

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3-CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2025/DS-ST
Ngày 20-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Út

Bà Phạm Hồng Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Bảo Trân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3- Cà Mau.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Cà Mau, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2025/TLST-DS ngày 15/5/2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, xã C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1981 (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977 (vắng mặt)

3. Bà Phan Thị Th, sinh năm 1955 (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Trọng Kh, sinh năm 2005 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 2, xã C, tỉnh Cà Mau

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2025 cùng các văn bản khác kèm theo, ông Nguyễn Việt S trình bày:

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2021, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn L có mua loa kéo, điện thoại OPPO tại cửa hàng của ông còn nợ số tiền 10.000.000 đồng, sau khi nhận hàng, bà D có ký vào biên nhận nợ ngày 20/4/2021, thỏa thuận thời gian trả nợ vào ngày 20/5/2021. Bà D, ông L và bà Phan Thị Th là mẹ của ông L và bà D, ông Kh là con của ông L và bà D có trả 2.000.000 đồng vào các ngày 24/6/2024, 25/7/2024, 24/8/2024, 24/9/2024, còn nợ lại 8.000.000 đồng. Từ khi nợ đến nay, ông có liên hệ nhiều lần nhưng bà Th, ông Kh, bà D và ông L không trả số nợ trên cho ông. Nay ông yêu cầu bà Th, ông Kh, bà D và ông L trả cho ông 8.000.000 đồng và lãi chậm trả từ ngày 20/4/2021 đến ngày 20/8/2025 là 04 năm 04 tháng với lãi suất 10%/năm tương đương số tiền lãi là 3.466.667 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 11.466.667 đồng.

Bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Trọng Kh được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Việt S khởi kiện bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Trọng Kh yêu cầu trả tiền nợ mua loa kéo và điện thoại nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Trọng Kh cư trú tại xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3- tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Ông Nguyễn Việt S có đơn xin vắng mặt, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Trọng Kh được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội D tranh chấp:

Ông Nguyễn Việt S yêu cầu bà Phan Thị Th, ông Nguyễn Trọng Kh, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn L trả cho ông 8.000.000 đồng tiền nợ và lãi suất chậm trả từ ngày 20/4/2021 đến ngày 20/8/2025 là 04 năm 04 tháng với lãi suất 10%/năm tương đương số tiền lãi là 3.466.667 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 11.466.667 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông S cung cấp biên nhận ngày 20/4/2021, có

bà Nguyễn Thị D ký tên nhận nợ 10.000.000 đồng và Giấy cam kết ngày 06 tháng 12 năm 2022 có ông Nguyễn Trọng Kh, bà Phan Thị Th ký người cam kết, nội D cam kết là đồng ý thanh toán biên nhận ngày 20/4/2021 thay cho bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn L. Từ những chứng cứ trên, chứng minh bà D có mua điện thoại tại cửa hàng của ông S và có nợ 10.000.000 đồng, đã qua có trả 2.000.000 đồng còn nợ 8.000.000 đồng. Bà Th, ông Kh cam kết trả số nợ trên nên có căn cứ buộc bà Th, ông Kh liên đới nghĩa vụ với bà D trả số nợ 8.000.000 đồng cho ông S là có căn cứ. Theo biên nhận thoả thuận thời gian trả nợ đến ngày 20/5/2021, nhưng bà D không thực hiện đúng thoả thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó ông S yêu cầu tính lãi suất chậm trả 10%/năm (tức 0,83%/tháng) đúng theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

Thời gian ông S yêu cầu tính lãi từ ngày 20/4/2021 đến ngày xét xử vụ án là ngày 20/8/2025 là 04 năm 04 tháng x 8.000.000 đồng x 10%/năm = 3.466.000 đồng. Tổng tiền vốn và lãi là 11.466.000 đồng.

[4] Đối với ông Nguyễn Văn L là chồng bà Nguyễn Thị D, hợp đồng mua tài sản thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, ông L cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, buộc ông L liên đới nghĩa vụ trả nợ với bà D, bà Th và ông Kh là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông S được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí, bà D, ông L, bà Th và ông Kh phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 357, 440 và 468 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S. Buộc bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Trọng Kh liên đới nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền nợ và lãi tính từ ngày 20/4/2021 đến ngày 20/8/2025 là 11.466.000 đồng (mười một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn L, bà Phan Thị Th và ông Nguyễn Trọng Kh phải chịu 573.000 đồng. Ông Nguyễn Việt S đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004126 ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3- Cà Mau), nay hoàn trả toàn bộ cho ông Nguyễn Việt S 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3- Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Vẹn